

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

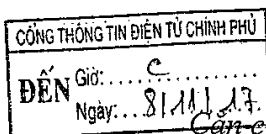
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6 /2017/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 08 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
đối với hệ thống đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 và Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Quy định giới hạn hành lang an toàn đối với các công trình khác trên đường bộ thực hiện theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của

Chính phủ và Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

Điều 2. Trách nhiệm của các sở, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thị xã; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

1. Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức quản lý, khai thác sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh đúng theo quy định pháp luật.

2. Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác quy hoạch, quản lý sử dụng đất dành cho công trình đường bộ theo quy định.

3. Sở Tài chính chủ trì phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư trên cơ sở dự toán kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Sở Giao thông vận tải lập, cân đối ngân sách và nhu cầu thực tế trình cấp thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện theo quy định.

4. Công An tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương phối hợp Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong phạm vi liên quan của ngành.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm; thực hiện cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép để giải tỏa hành lang an toàn đường bộ;

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn quản lý việc sử dụng phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ. Phối hợp với đơn vị trực tiếp quản lý công trình đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ bao gồm cả việc giữ gìn các cột mốc lộ giới, mốc giải phóng mặt bằng của dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 11 năm 2017 và thay thế Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy định phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Tiền Giang và Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân

dân tỉnh Tiền Giang về việc điều chỉnh phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tuyến Đường tỉnh 871 và Đường tỉnh 873B của Quy định phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 17/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành.//1/1/1

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng cục ĐBVN;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VB);
- Website Chính phủ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, TP, TX;
- VPUB: LĐVP, các Phòng nghiên cứu;
- Website tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Nguyên. lan

25

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH Đúc

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Anh Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
ĐỐI VỚI HỆ THỐNG ĐƯỜNG TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36 /2017/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4/ năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

TT	Tên đường (số hiệu đường bộ)	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cấp đường quy hoạch	Toàn phạm vi lộ giới (m)	Tim đường ra mỗi bên (m)	Ghi chú
1	Đường tỉnh 861	Quốc lộ 1 (Ngã ba xã An Thái Đông, H.Cái Bè)	Ngã sáu (xã Mỹ Trung, H.Cái Bè)	15,300	III			
	Tuyến ngoài vùng dân cư					43,0	21,5	
	Đoạn tiếp giáp Quốc lộ (QL) 1			0,400		22,0	11,0	Khu đông dân cư
2	Đoạn qua khu vực cầu Kinh Kho: từ Km 9+000 đến Km 9+600			0,600		22,0	11,0	Chợ Kênh Kho
	Đường tỉnh 862	Quốc lộ 50 (xã Long Chánh, cạnh Bến xe TX. Gò Công)	Đèn đỏ (xã Tân Thành, H.Gò Công Đông)	21,140	III			
	Tuyến ngoài vùng dân cư					43,0	21,5	
	Đoạn nội ô TX Gò Công: từ QL.50 (Bến xe thị xã) đến ngã ba giao với đường Thủ Khoa Huân			2,960		24,0	12,0	Chỉ giới quy hoạch thị xã Gò Công
	Đoạn nội ô TX Gò Công: từ ngã ba giao với đường Thủ Khoa Huân đến đường Việt Hùng (ĐH.19)			1,390		32,5	16,25	
	Đoạn thị trấn Tân Hòa: từ Công chào mới đến Bìa Chiến tích Xóm Gò			2,300		30,0	15,0	
	Đoạn qua khu vực Tân Thành: từ ngã ba Trường học áp Giồng Đình đến ngã ba Trường học áp chợ Tân Thành			1,150		30,0	15,0	Khu đông dân cư
	Đoạn từ Trạm cấp nước đến ngã ba biên Tân Thành			1,200		32,5	16,25	Khu đông dân cư
3	Đoạn từ ngã ba biên Tân Thành đến Trạm kiểm soát Biên phòng			5,200				Hành lang theo Luật Đê điều
	Đường tỉnh 863	Quốc lộ 1 (Ngã ba Lộ Mới - xã Hậu Thành, H.Cái Bè)	Ngã sáu (xã Mỹ Trung, H.Cái Bè)	15,733	III + V mở rộng			
	Đoạn từ QL.1 đến cầu Thông Lưu (Km 0+000 – Km 1+796)			1,796		29,0	14,5	Phát triển dân cư

TT	Tên đường (số hiệu đường bộ)	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cấp đường quy hoạch	Toàn phạm vi lộ giới (m)	Tim đường ra mỗi bên (m)	Ghi chú
		Đoạn từ cầu Thông Lưu đến xã Mỹ Trung (cuối tuyến): Km 1+796 – Km 15+733		13,937		22,0	11,0	Khu đông dân cư
4	Đường tỉnh 864	Đường vào mố 1 cầu Bình Đức (Đường Lê Thị Hồng Gấm - TP.Mỹ Tho)	Đường tỉnh 875 (Thị trấn Cai Bè)	34,554	III			
	Tuyến ngoài vùng dân cư					43,0	21,5	
	Đoạn từ cầu Bình Đức đến cầu Kinh Xáng: Km 0+000 – Km 5+840			5,840		30,0	15,0	Khu CN Mỹ Tho,
	Đoạn qua khu vực chợ Kim Sơn: từ cầu Rạch Gầm đến Đình thần Cả Giám			0,250		30,0	15,0	Khu đông dân cư
	Đoạn qua khu vực chợ Phú Phong: từ cầu Phú Phong đến ranh xã Tam Bình (huyện Cai Lậy)			0,350		30,0	15,0	Khu đông dân cư
	Đoạn qua khu vực chợ Tam Bình: từ cầu Tam Bình đến Trường THCS Tam Bình			0,200		30,0	15,0	Khu đông dân cư
	Đoạn qua thị trấn Cai Bè (đường Nguyễn Thái Học): từ đường Tạ Thu Thâu đến Đường tỉnh (ĐT) 875 (cuối tuyến)			0,210		16,0	8,0	Chỉ giới quy hoạch thị trấn Cai Bè
5	Đường tỉnh 865	Giáp ranh tỉnh Long An (xã Phú Mỹ, H.Tân Phước)	Cầu Bông Lãng (giáp ranh tỉnh Đồng Tháp - xã Hậu Mỹ Bắc B, H.Cai Bè)	47,061	III			
	Tuyến ngoài vùng dân cư					43,0	21,5	
	Đoạn qua khu vực chợ Phú Mỹ: từ đường Láng Cát (DH.45B) đến cầu Trầm Sập			2,380		32,0	16,0	Khu đông dân cư
	Đoạn qua khu vực thị trấn Mỹ Phước ngoài vòng xoáy: từ cầu Kinh 10 đến giáp công Bà Kỳ			1,750		30,0	15,0	Thị trấn Mỹ Phước
	Đoạn qua khu vực vòng xoáy: Hành lang an toàn cách vòng cung mép nhựa 8m							Thị trấn Mỹ Phước
	Đoạn qua khu vực chợ Thành Lộc: từ phía Đông cầu Thầy Cai dài 200m đến phía Tây cầu Thầy Cai dài 100m			0,300		29,0	14,5	Khu đông dân cư
	Đoạn qua trung tâm xã Hậu Mỹ Bắc B: từ giao với đường vào cầu Thiên Hộ mới (ĐT.869) đến qua ranh đất phía Tây của Bến xe Hậu Mỹ Bắc 100 mét (Km 42+880 đến Km 44+851)			1,971		29,0	14,5	Khu đông dân cư
6	Đường tỉnh 866	Quốc lộ 1 (Ngã ba xã Tân Lý Tây, H.Châu Thành)	Đường tỉnh 865 (xã Phú Mỹ, H.Tân Phước)	9,822	III			
	Tuyến ngoài vùng dân cư					43,0	21,5	

TT	Tên đường (số hiệu đường bộ)	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cấp đường quy hoạch	Toàn phạm vi lộ giới (m)	Tim đường ra mỗi bên (m)	Ghi chú
		Đoạn qua khu vực chợ Việt Kiều: cách kênh Việt Kiều về mỗi phía 200m	Đường tỉnh 866 (Ngã ba Việt Kiều - xã Tân Lý Đông, H.Châu Thành)	0,400		32,0	16,0	Khu đông dân cư
		Đoạn qua khu vực chợ Cổ Chi: từ Công Chùa đến Kho lúa		0,500		32,0	16,0	Khu đông dân cư
		Đoạn từ công ranh xã Tân Hòa Thành đến ĐT.865 (cuối tuyến)		0,160		32,0	16,0	Khu đông dân cư
7	Đường tỉnh 866B	Đường tỉnh 866 (Ngã ba Việt Kiều - xã Tân Lý Đông, H.Châu Thành)	Kinh Nang (xã Tân Lập, H.Tân Phước)	5,340*	III mở rộng			
	Toàn tuyến					56,0	28,0	Quy hoạch KCN Đông Nam Tân Phước
	Đường tỉnh 867	Quốc lộ 1 (Ngã ba Long Định - H.Châu Thành)	Cầu Ngã 5 Hoàng Gia (ranh Long An - xã Thạnh Mỹ, H.Tân Phước)	23,160	III			
	Tuyến ngoài vùng dân cư					43,0	21,5	
	Đoạn từ QL.1 đến Nhà thờ (khu phố Lương Minh Chánh)			2,000		32,0	16,0	Khu đông dân cư
	Đoạn qua khu vực thị trấn Mỹ Phước ngoài vòng xoay: từ công Tán Nghi đến cầu Kinh 500			2,000		30,0	15,0	Thị trấn Mỹ Phước
	Đoạn qua khu vực vòng xoay: Hành lang an toàn cách vòng cung mép nhựa 8m							Thị trấn Mỹ Phước
9	Đường tỉnh 868	Cầu Hai Hát (Giáp ranh tỉnh Long An - xã Phú Cường, H.Cai Lậy)	Bến dò Thủy Tây (Giáp sông Tiền - xã Ngũ Hiệp, H.Cai Lậy)	28,246	III			
	Tuyến ngoài vùng dân cư					43,0	21,5	
	Đoạn từ cầu Quán Oai đến cầu Một Thước			1,375		29,0	14,5	QH Khu dân cư thị trấn Mỹ Phước Tây
	Đoạn từ cầu Nàng Chung đến đường Cao Đăng Chiếm (ĐH.57 cũ)			3,500		29,0	14,5	Khu đông dân cư
	Đoạn từ đường Cao Đăng Chiếm (ĐH.57 cũ) đến QL.1			1,500		20,0	10,0	Thị xã Cai Lậy
	Đoạn từ QL.1 đến cầu Bờ Ấp 5			0,750		20,0	10,0	Thị xã Cai Lậy
	Đoạn từ cầu Bờ Ấp 5 đến Tuyến tránh QL.1			0,800		22,5	11,25	QH đô thị Cai Lậy
	Đoạn từ Tuyến tránh QL.1 đến cầu Long Khánh			1,365		29,0	14,5	Khu đông dân cư
	Đoạn từ Trường PTTH Lưu Tấn Phát, xã Tam Bình đến Bến phà Ngũ Hiệp			1,500		29,0	14,5	Đường vào Bến phà Ngũ Hiệp
	Đoạn từ Bến phà Ngũ Hiệp đến bến dò Thủy Tây (Bến phà BOT Sơn Định)			2,170		30,0	15,0	

TT	Tên đường (số hiệu đường bộ)	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cấp đường quy hoạch	Toàn phạm vi lộ giới (m)	Tim đường ra mỗi bên (m)	Ghi chú
10	Đường tỉnh 869	Quốc lộ 1 (Ngã ba An Cư - H.Cái Bè)	Đường tỉnh 865 (xã Hậu Mỹ Bắc B, H.Cái Bè)	19,764	III			
	Tuyến ngoài vùng dân cư					43,0	21,5	
	Đoạn qua khu vực chợ An Cư: từ QL.1 đến Km 0+281			0,281		29,0	14,5	Khu đông dân cư
	Đoạn qua khu vực chợ Cái Núa (xã Hậu Thành): từ Km 3+000 đến Km 3+650			0,650		29,0	14,5	Khu đông dân cư
	Đoạn qua khu vực chợ Cà Giãm (xã Hậu Mỹ Phú): từ Km 6+000 đến Km 6+600			0,600		29,0	14,5	Khu đông dân cư
	Đoạn qua khu vực quy hoạch đô thị Thiên Hộ: từ cầu Một Thước đến ĐT.865, cuối tuyến (Km 16+380 đến Km 19+764)			0,400		29,0	14,5	Khu đông dân cư
				3,384		22,0	11,0	Quy hoạch đô thị Thiên Hộ
11	Đường tỉnh 870	Quốc lộ 1 (Ngã tư Đồng Tâm - xã Phước Thành, TPMT và xã Thạnh Phú, H.Châu Thành)	Đường tỉnh 864 (xã Trung An, TPMT - xã Bình Đức, H.Châu Thành)	5,712	III			
	Tuyến ngoài vùng dân cư					43,0	21,5	
	Đoạn tiếp giáp QL.1 (100m đầu tuyến)			0,100		33,0	16,5	Khu đông dân cư
	Đoạn qua khu vực chợ Xoài Hột: từ công ấp văn hóa Phước Thuận đến công UBND xã Phước Thạnh			0,600		33,0	16,5	Khu đông dân cư
	Đoạn qua khu vực chợ Bình Đức: từ cầu Lộ Ngang đến ĐT.864			0,800		33,0	16,5	Khu đông dân cư
12	Đường tỉnh 870B	Quốc lộ 1 (xã Trung An, TP.Mỹ Tho)	Đường tỉnh 864 (Khu Công nghiệp Mỹ Tho - xã Trung An)	4,506	III			
	T toàn tuyến					43,0	21,5	
13	Đường tỉnh 871	Ngã tư Nguyễn Văn Côn (Phường 3, TX.Gò Công)	Cảng cá (thị trấn Vàm Láng)	13,236	III			
	Đoạn qua khu vực TX Gò Công: từ đường Vành đai phía Đông đến đường Tân Đông cầu Bà Trà (ĐH.97) – giáp ranh với huyện Gò Công Đông			1,070		22,5	11,25	Chỉ giới quy hoạch thị xã Gò Công
	Đoạn qua khu vực TX Gò Công: từ đường Vành đai phía Đông			1,480		32,5	16,25	Chỉ giới quy hoạch thị xã Gò Công
	Đoạn từ đường Tân Đông cầu Bà Trà (ĐH.97) đến công Dới Ma			8,186		40,0	20,0	Quy hoạch CN khu vực Gò Công

TT	Tên đường (số hiệu đường bộ)	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cấp đường quy hoạch	Toàn phạm vi lộ giới (m)	Tim đường ra mỗi bên (m)	Ghi chú
			Đoạn từ cống Đồi Ma đến Ngã tư đường vào Khu công nghiệp Soài Rạp	1,800		30,0	15,0	Theo Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 24/5/2013 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh cục bộ QH chung XDCN khu vực GCông
			Đoạn từ Ngã tư đường vào Khu công nghiệp Soài Rạp đến Cảng cá Vàm Láng (cuối tuyến)	0,700		16,0	8,0	
14	Đường tỉnh 871B	Quốc lộ 50 (xã Tân Trung, TX. Gò Công)	Đê sông Soài Rạp (xã Gia Thuận, H. Gò Công Đông)	7,330	I			
			Toàn tuyến			60,0	30,0 (theo tim đường của dự án hoàn thiện)	Quy hoạch CN khu vực Gò Công
15	Đường tỉnh 871C	Ngã tư Bình Ân (xã Long Thuận, TX. Gò Công)	Đê biển xã Tân Điền (H. Gò Công Đông)	11,180	III			
			Tuyến ngoài vùng dân cư			43,0	21,5	
			Đoạn qua thị xã Gò Công: từ Ngã tư Bình Ân đến đường Xóm Rạch	1,015		18,0	9,0	Chỉ giới quy hoạch thị xã Gò Công
			Đoạn qua thị xã Gò Công: từ đường Xóm Rạch đến cầu Xóm Sọc	2,485		30,0	15,0	Chỉ giới quy hoạch thị xã Gò Công
			Đoạn qua khu vực ngã tư Bình Ân: từ giao với ĐH.02 hướng về thị xã Gò Công 660m và hướng về xã Tân Điền 200m	0,860		29,0	14,5	Khu đông dân cư
			Đoạn qua khu trung tâm hành chính xã Tân Điền: từ công chào xã Tân Điền đến cầu Tam Bàn (Km 8+170 đến Km 8+850)	0,680		29,0	14,5	Khu đông dân cư
			Đoạn từ cầu Kênh 3 đến Đê biển xã Tân Điền	0,600				Hành lang theo Luật Đê điều
16	Đường tỉnh 872	Quốc lộ 50 (Ngã ba Hòa Đông - thị trấn Vĩnh Bình)	Đường tỉnh 877 (Ngã ba Bến đò Cá Chốt - xã Vĩnh Hựu, H. Gò Công Tây)	7,363	III			
			Tuyến ngoài vùng dân cư			43,0	21,5	
			Đoạn qua khu vực thị trấn Vĩnh Bình: từ QL.50 đến cầu Nguyễn Văn Cón (Km 0+000 - Km 1+519)	1,519		16,0	08,0	Thị trấn Vĩnh Bình
			Đoạn qua khu vực thị trấn Vĩnh Bình: từ cầu Nguyễn Văn Cón đến cầu Lò Vôi (Km 1+519 - Km 2+269)	0,750		11,4	5,7	Thị trấn Vĩnh Bình
			Đoạn qua khu dân cư: từ cầu Lò Vôi đến công Ba Lùn (Km 2+269 - Km	0,530		22,0	11,0	Khu đông dân cư

TT	Tên đường (số hiệu đường bộ)	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cấp đường quy hoạch	Toàn phạm vi lộ giới (m)	Tìm đường ra mỗi bên (m)	Ghi chú
	2+799)							
	Đoạn qua khu dân cư: từ ngã ba đường Hựu Phong đến Trường THCS Vĩnh Hựu (Km 4+800 – Km 5+400)							
				0,600		22,0	11,0	Khu đông dân cư
17	Đường tỉnh 873	Quốc lộ 50 (Ngã ba xã Thành Công, H.Gò Công Tây và xã Long Chánh, TX.Gò Công)	QL.50 (xã Bình Đông, TX.Gò Công)	13,575	IV			
	Đoạn từ giáp QL.50 (ngã ba Thành Công) đến cửa hàng bán lẻ xăng dầu DNTN Gò Gừa (Km 0+000 – Km 2+250)							
				2,250		29,5	14,75	Ngoài vùng dân cư
	Đoạn qua trung tâm hành chính xã Thành Công: từ cửa hàng bán lẻ xăng dầu DNTN Gò Gừa đến ngã ba giao với DH.13 (Km 2+250 – Km 2+810)							
				0,560		22,0	11,0	Khu đông dân cư
	Đoạn DH.14 cũ, DH.08 cũ: từ ngã ba DT.873 -- DH.13 đến Bến đò Bình Xuân, bờ Nam (Km 2+810 – Km 9+080)							
				6,270		29,5	14,75	Ngoài vùng dân cư
	Đoạn qua sông Gò Công (Km 9+080 – Km 9+260)							
				0,180				Sông Gò Công
	Đoạn Đường huyện 15 (DH.10) cũ: từ Bến đò Bình Xuân, bờ Bắc đến Quốc lộ 50 (Km 9+260 – Km 13+575)							
				4,315		29,5	14,75	Quy hoạch CN khu vực Gò Công
18	Đường tỉnh 873B	Quốc lộ 50 (xã Long Chánh, TX.Gò Công)	Đường đê sông Vàm Cỏ (xã Tân Phước, H.Gò Công Đông)	17,588	III			
	Đoạn DT.873B cũ và đoạn DH.09 cũ: từ QL.50 (xã Long Chánh) đến ngã ba DH.09 – DH.01							
				11,348		30,0	15,0	Quy hoạch CN khu vực Gò Công
	Đoạn DH.01 cũ và Đường ấp 5 Tân Phước cũ: từ ngã ba DH.09 – DH.01 đến cuối tuyến (giao đường đê sông Vàm Cỏ)							
				6,240		40,0	20,0	Quy hoạch CN khu vực Gò Công
19	Đường tỉnh 874	Quốc lộ 1 (Ngã ba Khu di tích Ấp Bắc - xã Diêm Hy, H.Châu Thành)	Đường gom cầu Chùa Phật Đá (thị trấn Mỹ Phước)	8,055	III			
	Tuyến ngoài vùng dân cư							
						43,0	21,5	
	Đoạn qua khu vực thị trấn Mỹ Phước: từ cầu Nguyễn Văn Tiếp đến đường gom cầu Chùa Phật Đá (cuối tuyến)							
				0,770		30,0	15,0	Thị trấn Mỹ Phước
20	Đường tỉnh 874B	Quốc lộ 1 (Ngã ba Nhị Quý - TX.Cai Lậy)	Cầu Mỹ Long (xã Mỹ Long, H.Cai Lậy)	5,040	III			
	Tuyến ngoài vùng dân cư							
						43,0	21,5	

TT	Tên đường (số hiệu đường bộ)	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cấp đường quy hoạch	Toàn phạm vi lộ giới (m)	Tim đường ra môi bên (m)	Ghi chú
	Đoạn từ QL.1 đến cầu Long Điền			3,000		18,0	9,0	Khu đông dân cư
21	Đường tỉnh 875	Quốc lộ 1 (Ngã ba Vần Cang - xã Phú An, H.Cai Lậy)	Bến sông Tiền (thị trấn Cái Bè)	4,690	III			
	Đoạn từ QL.1 đến giáp ranh huyện Cái Bè (Km 0+000 đến Km 2+100)			2,100		29,0	14,5	Khu đông dân cư
	Đoạn từ ranh huyện Cai Lậy đến sông Tiền (Km 2+100 đến Km 4+690)			2,590		25,0	12,5	QH thị trấn Cái Bè năm 1997 (1/1000)
22	Đường tỉnh 875B	Quốc lộ 1 (xã Bình Phú, H.Cai Lậy)	Bến đò Hiệp Đức (nhánh sông cũ lao Tân Phong - xã Hiệp Đức, H.Cai Lậy)	10,887	III			
	Tuyến ngoài vùng dân cư					43,0	21,5	
	Đoạn từ QL.1 đến cầu Bình Trị xã Bình Phú			1,979		30,0	15,0	Khu đông dân cư
23	Đường tỉnh 876	Quốc lộ 1 (Ngã ba Đông Hòa - H.Châu Thành)	Đường tỉnh 864 (Ngã ba Tây Hòa - xã Song Thuận, H.Châu Thành)	8,600	III			
	Tuyến ngoài vùng dân cư					43,0	21,5	
	Đoạn từ QL.1 đến cây xăng Xuân Hồng (Km 0+000 đến Km 0+250)			0,250		27,5	13,75	Khu đông dân cư
	Đoạn qua nội thị Vĩnh Kim: từ Bệnh viện Vĩnh Kim đến đường Bờ Cỏ Xã			1,000		27,5	13,75	Khu đông dân cư
24	Đường tỉnh 877	Đường tỉnh 862 (phường 5 và xã Long Hòa, TX.Gò Công)	Quốc lộ 50 (Ngã ba An Thạnh Thủy, H.Chợ Gạo)	27,297	III			
	Tuyến ngoài vùng dân cư					43,0	21,5	
	Đoạn qua TX Gò Công: từ đường Trần Công Tường (ĐT.862) đến cầu Xóm Thù			2,100		27,5	13,75	Chỉ giới quy hoạch thị xã Gò Công
	Đoạn qua trung tâm xã Bình Tân: từ cửa hàng xăng dầu số 17 đến Công áp văn hóa Thuận Trị			1,400		22,0	11,0	Khu đông dân cư
	Đoạn qua trung tâm xã Long Bình: từ công Trường THPT Long Bình đến Đường vào bãi rác xã Long Bình			1,500		22,0	11,0	Khu đông dân cư
	Đoạn qua khu vực UBND xã Bình Ninh: từ Ngã tư giao giữa ĐT.877B và ĐT.23B đến cầu An Thạnh Thủy.			0,490		22,0	11,0	Khu đông dân cư
25	Đường tỉnh 877B	Đường tỉnh 877 (Nghĩa trang xã Bình Ninh, H.Chợ	Giáp biên Đông (xã Phú Tân, H.Tân Phú Đông)	35,768	III			

TT	Tên đường (số hiệu đường bộ)	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Cấp đường quy hoạch	Toàn phạm vi lộ giới (m)	Tim đường ra mỗi bên (m)	Ghi chú
	Tuyến ngoài vùng dân cư							
						43,0	21,5	
		Đoạn từ ĐT.877 đến bến phà Bình Ninh (Km 0+000 – Km 1+470)		1,470		30,0	15,0	Khu đông dân cư
		Đoạn qua trung tâm xã Tân Thới: từ Trạm xăng dầu Anh Phương đến Trường THCS Tân Thới (Km 7+009 – Km 8+796)		1,787		22,0	11,0	Khu đông dân cư
		Đoạn qua trung tâm xã Tân Phú: từ đường Miếu Tân Ninh đến ranh phía Đông Trường Mầm non Tân Phú (Km 12+155 – Km 14+390)		2,235		22,0	11,0	Khu đông dân cư
		Đoạn qua trung tâm xã Phú Thạnh: từ kênh Ba Góc đến cầu Tư Xuân (Km 19+749 – Km 20+844)		1,095		22,0	11,0	Khu đông dân cư
		Đoạn qua khu vực Quy hoạch chung đô thị Tân Phú Đông: từ cầu Tư Xuân đến cầu Cà Thu (Km 20+844 – Km 23+045)		2,201		32,0	16,0	Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 15/12/2015
		Đoạn qua trung tâm xã Phú Đông: từ ranh phía Tây Trường THCS Phú Đông đến ranh phía Đông Trạm Y tế xã Phú Đông (Km 25+102 – Km 26+037)		0,935		22,0	11,0	Khu đông dân cư
26	Đường tỉnh 877E	Kênh Chợ Gạo (Bến dò Quơn Long, H.Chợ Gạo)	Đường tỉnh 877 (xã Bình Ninh, H.Chợ Gạo)	8,257	IV			
		Đoạn qua khu quy hoạch trung tâm xã Bình Phúc Nhứt: từ kênh Chợ Gạo (Bến dò Quơn Long) đến cầu 3 tháng 2 (Km 0+000 – Km 0+730)		0,730		22,0	11,0	QH trung tâm xã Bình Phúc Nhứt
		Đoạn từ cầu 3 tháng 2 đến ĐT.877 (cuối tuyến): Km 0+730 – Km 8+257		7,527		30,0	15,0	
27	Đường tỉnh 878	Đường nhánh cao tốc Đông Tâm (xã Tam Hiệp, H.Châu Thành)	Đường tỉnh 865 (xã Hưng Thạnh, H.Tân Phước)	13,480	III mở rộng			
	Toàn tuyến					56,0	28,0	Quy hoạch KCN Đông Nam Tân Phước
28	Đường tỉnh 878B	Quốc lộ 1 (Ngã ba Hòa Tịnh - xã Tân Lý Tây và xã Tân Hương, H.Châu Thành)	Đường tỉnh 879B (xã Tân Bình Thạnh, H.Chợ Gạo)	8,700	IV			
	Tuyến ngoài vùng dân cư					29,0	14,5	
	Đoạn qua khu vực chợ Tịnh Hà: từ đường liên ấp Hòa Tịnh đến Trường THPT Thủ Khoa Huân (Km 2+382 đến Km 3+462)					22,0	11,0	Khu đông dân cư

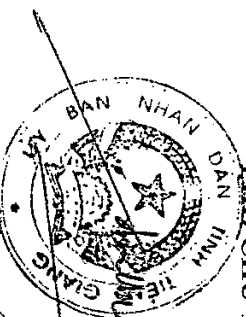
TT	Tên đường (số hiệu đường bộ)	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cấp đường quy hoạch	Toàn phạm vi lộ giới (m)	Tim đường ra mỗi bên (m)	Ghi chú
		Đoạn qua khu vực chợ An Khương: Từ đường An Khương 2 đến nhà số 37 của hộ Ngô Văn Mười (Km 5+362 đến Km 5+962)		0,600		22,0	11,0	Khu đông dân cư
		Đoạn qua khu vực chợ Tân Bình Thạnh: Từ đường Tân Thành đến cuối tuyến, tiếp giáp ĐT.879B (Km 7+922 đến Km 8+672)		0,750		22,0	11,0	Khu đông dân cư
		Đường tỉnh 878C (Đường tỉnh 878 cũ) Tuyến ngoài vùng dân cư				43,0	21,5	Khu đông dân cư
29		Quốc lộ 1 (Ngã tư Lương Phú - xã Tân Cửu Nghĩa, H.Châu Thành) Đoạn tiếp giáp QL.1 từ ngã tư Tân Cửu Nghĩa hướng vào cầu Bến Tranh 100m		1,293	III	27,5	13,75	Khu đông dân cư
		Đường tỉnh 879 (Chợ Bến Tranh - xã Lương Hòa Lạc, H.Chợ Gạo) Đoạn qua khu vực chợ Bến Tranh: từ công áp văn hóa Ngã Thuận đến cầu Bến Tranh		0,100		27,5	13,75	Khu đông dân cư
		Đường tỉnh 879 (Chợ Bến Tranh - xã Lương Hòa Lạc, H.Chợ Gạo) Đoạn qua khu vực chợ Bến Tranh: từ công áp văn hóa Ngã Thuận đến cầu Bến Tranh		0,300		27,5	13,75	Khu đông dân cư
30		Đường tỉnh 879 (Đường tỉnh 879 cũ) Tuyến ngoài vùng dân cư		15,358	III	43,0	21,5	
		Đường Nguyễn Văn Giác (thành phố Mỹ Tho) Đoạn qua thành phố Mỹ Tho: từ Ngã ba đường Nguyễn Văn Giác đến QL.50 (Km 0+000 - Km 2+050)		2,050		22,0	11,0	Chỉ giới quy hoạch TP Mỹ Tho
		Đường tỉnh 879 (Đường tỉnh 879 cũ) Đoạn qua thành phố Mỹ Tho: từ QL.50 đến cầu Long Hòa (Km 2+050 - Km 3+008)		0,958		36,0	18,0	Chỉ giới quy hoạch TP Mỹ Tho
		Đường tỉnh 879 (Đường tỉnh 879 cũ) Đoạn qua thành phố Mỹ Tho: từ cầu Long Hòa đến giáp ranh xã Lương Hòa Lạc (Km 3+008 - Km 4+700)		1,692		22,0	11,0	Chỉ giới quy hoạch TP Mỹ Tho
		Đường tỉnh 879 (Đường tỉnh 879 cũ) Đoạn qua chợ Bến Tranh: từ Kênh Nối đến cầu Kênh Nhỏ		1,940		22,0	11,0	Khu đông dân cư
		Đường tỉnh 879 (Đường tỉnh 879 cũ) Đoạn qua khu QH trung tâm xã Phú Kiết: từ cầu Phú Kiết đến đường Đất Láng (cổng Hồ Văn Bé): (Km 10+080 - Km 10+785)		0,705		22,0	11,0	QH trung tâm xã Phú Kiết
31		Đường tỉnh 879B (Đường tỉnh 879 cũ) Đoạn từ cầu Mỹ Tịnh An đến công (hộ ông Năm Giờ)		0,375		22,0	11,0	Khu đông dân cư
		Đường Nguyễn Trung Trực (thành phố Mỹ Tho) Tuyến ngoài vùng dân cư		13,434	III	43,0	21,5	
		Đường tỉnh 879B (Đường tỉnh 879 cũ) Đoạn qua thành phố Mỹ Tho: từ Ngã ba đường Nguyễn Trung Trực đến		3,000		22,0	11,0	Theo QH thành lập

TT	Tên đường (số hiệu đường bộ)	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cấp đường quy hoạch	Toàn phạm vi lộ giới (m)	Tim đường ra mỗi bên (m)	Ghi chú
	ĐH.89 (ngã tư Chà Sấu)							P. Thanh Phong
	Đoạn qua chợ Thanh Bình: từ Trường Tiểu học Thanh Bình đến ranh Nghĩa trang xã Thanh Bình			0,350		29,0	14,5	Khu đông dân cư
	Đoạn Ngã ba Tân Bình Thành: từ hộ ông Trần Văn Thành đến cống Hai Tỉnh			0,400		29,0	14,5	Khu đông dân cư
32	Đường tỉnh 879C	Quốc lộ 50 (xã Long Bình Diên, H.Chợ Gạo)	Giáp ranh tỉnh Long An (xã Bàng Hưng Phước, H.Chợ Gạo)	6,590	III			
	Tuyến ngoài vùng dân cư					43,0	21,5	
	Đoạn qua trung tâm xã Bàng Hưng Phước: từ đường Lộ Làng đến cống số 5			1,170		22,0	11,0	Khu đông dân cư
33	Đường tỉnh 879D	Quốc lộ 50 (xã Tân Thuận Bình, H.Chợ Gạo)	Giáp ranh tỉnh Long An (cầu Rạch Tràm - xã Đồng Sơn, H.Gò Công Tây)	10,648	III			
	Toàn tuyến					43,0	21,5	Theo quy hoạch GTVT của tỉnh

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *đkt*

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Sinh Tuấn